

Bản án số 59A/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20 tháng 8 năm 2021
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư và bà Nguyễn Thị Vượng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXST-HNGĐ ngày 16/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2021 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 14C ngõ 102, đường Nguyễn Văn Cừ, pH Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B. (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

+ *Bị đơn:* Anh Đặng Quốc HY, sinh năm 1982.

Nơi cư trú cuối cùng: Số 14C ngõ 102, đường Nguyễn Văn Cừ, pH Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 31/3/2021 và trong quá trình xét xử, chị Nguyễn Thị Bích H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày:

Chị Nguyễn Thị Bích H với anh Đặng Quốc HY kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2004 tại UBND pH Trần Phú, thành phố B; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu nhà anh HY ngay ở tại số 108, đường Tân Ninh, pH Trần Phú, thành phố B, tỉnh B. Thời gian này vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2008 thì hai vợ chồng chuyển về địa chỉ nhà riêng của chị H ở tại số 14C ngõ 102, đường Nguyễn Văn Cừ, pH Lê Lợi, thành phố B,

tỉnh B. Thời gian này vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, tH xuyên cãi vã lẫn nhau. Đến năm tháng 10/2017 do mâu thuẫn trầm trọng, anh HY đã bỏ nhà ra ngoài ở từ đó đến nay không quay về nhà chị H ở nữa. Thời gian đầu hai bên còn liên lạc với nhau nhưng khoảng 1 năm lại đây hai bên cắt đứt liên lạc. Từ khi anh HY cHYên đi nơi khác ở đến nay anh HY không nói cho chị H biết địa chỉ của anh ở đâu. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh HY.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung cháu Đặng Đại Phong, sinh ngày 09/12/2004 và cháu Đặng Bảo Trâm, sinh ngày 04/4/2014. Hiện 2 cháu đang ở với chị H. Ly hôn chị H không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Đặng Quốc HY đã được Tòa án tổng đạt Quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt tại phiên tòa theo như giấy triệu tập. Tòa án xét xử vắng mặt anh Hưng theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và được bà là mẹ đẻ của anh HY và tổ trưởng tổ dân phố Lê Lợi, pH Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B cho biết như sau:

Chị Nguyễn Thị Bích H với anh Đặng Quốc HY kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2004 tại UBND pH Trần Phú, thành phố B; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu nhà anh HY ngay ở tại số 108, đường Tân Ninh, pH Trần Phú, thành phố B, tỉnh B. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc. Hai vợ chồng có 02 con chung cháu Đặng Đại Phong, sinh ngày 09/12/2004. Con thứ hai là Đặng Bảo Trâm, sinh ngày 04/4/2014. Hiện 2 con đang ở với chị H. Đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh HY đã bỏ ra ngoài ở từ đó đến nay không quay về ở với chị H nữa. Việc anh HY cHYên ra ngoài ở không thông báo cho địa phương biết. Thỉnh thoảng anh HY có điện thoại về hỏi thăm bố mẹ đẻ của anh HY nhưng không thông báo địa chỉ cụ thể của anh HY hiện ở đâu.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:
- Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích H và anh Đặng Quốc HY.
- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt nhưng có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Anh HY vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị H và anh HY **theo Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.**

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và HY kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn và cưới hỏi theo phong tục địa phương nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh HY là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống hai bên tH xảy ra mâu thuẫn vợ chồng (Do hai người không hợp nhau, tH xuyên cãi vã lẫn nhau) dẫn tới việc anh HY phải bỏ ra ngoài ở, từ đó hai người ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh HY.

[3] Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung cháu Đặng Đại Phong, sinh ngày 09/12/2004 và cháu Đặng Bảo Trâm, sinh ngày 04/4/2014. Hiện 2 cháu đang ở với chị H. Ly hôn chị H không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh HY không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và HY không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích H và anh Đặng Quốc HY.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002003 ngày 31/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bích H và Đặng Quốc HY được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP B;
- CCTHA-DS TP B;
- TAND tỉnh B;
- UBND pH Trần Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Văn Trường

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Văn Trường